

Bản án số: 03/2018/HS-ST

Ngày: 07-02-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Vĩnh

Bà Trần Thị Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Chi – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Vũ P (tên gọi khác: Vũ H) – sinh năm: 1986 tại: Thái Nguyên;

Nơi đăng ký HKTT: Xóm S, xã Q, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;

Chỗ ở hiện nay: không nơi ở nhất định;

Nghề nghiệp: lao động tự do;

Trình độ văn hóa: 8/12; Giới tính: Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Vũ Ngọc G – sinh năm 1953 và bà Trần Thị H – sinh năm 1957;

Vợ: Bùi Thị K – sinh năm 1991;

Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017;

Tiền án, tiền sự: không có;

Nhân thân: tại Quyết định số 3240/QĐ-CT ngày 29/11/2006 của Chủ tịch UBND thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên, Vũ P bị đưa vào chữa bệnh, học tập, lao động tại Trung tâm Giáo dục – Lao Động – Xã hội thành phố Thái Nguyên trong thời hạn 02 năm (hai mươi bốn tháng), chấp hành xong vào ngày

03/10/2013.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 24/10/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện Đạ Huoai (Có mặt).

- Bị hại:

1. Ông Lương Văn C – sinh năm 1990

Trú tại: Thôn 1, xã M, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

(Có mặt)

2. Ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1990

Trú tại: Thôn 1, xã M, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/10/2017, Vũ P đến làm công nhân tại công trình xây dựng cầu đường thuộc thôn 1, xã M – huyện Đạ Huoai do anh Đinh Văn Q quản lý. Vũ P được bố trí ở chung phòng với anh Nguyễn Văn T và anh Lương Văn C. Đến trưa ngày 23/10/2017, Vũ P nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại di động của anh Nguyễn Văn T và anh Lương Văn C bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 14 giờ cùng ngày, khi thấy anh Nguyễn Văn T và anh Lương Văn C đang ngủ và có cắm 02 điện thoại để sạc pin tại phòng gồm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 và 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A37f. Vũ P lén lút rút lấy 02 điện thoại đang sạc cho vào túi quần rồi đi khỏi phòng trọ. Khi đi ra đến tỉnh lộ 721, Vũ P thuê ông Lê Công M chở đi về huyện Định Quán – tỉnh Đồng Nai. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, anh Đinh Văn Q gọi và nói cho anh Nguyễn Văn T và Lương Văn C biết Vũ P đi về hướng TP. Hồ Chí Minh, lúc này anh Nguyễn Văn T và anh Lương Văn C kiểm tra lại tài sản thì Phát hiện bị mất điện thoại và nghi ngờ Vũ P chiếm đoạt. Khi chở Vũ P đến huyện Định Quán – tỉnh Đồng Nai thì do không có tiền nên Vũ P nói ông Lê Công M chở đến tiệm cầm đồ ở gần khu vực chợ thị trấn Định Quán để cầm cố điện thoại và lấy tiền trả cho ông Lê Công M. Vũ P đi vào tiệm cầm đồ còn ông Lê Công M đứng ngoài đường chờ. Khi đang đứng chờ Vũ P thì anh Nguyễn Văn T gọi điện cho ông Lê Công M cho biết là bị mất 02 điện thoại và nghi ngờ Vũ P chiếm đoạt. Trong lúc ông Lê Công M nghe điện thoại thì Vũ P chạy trốn, ông Lê Công M chạy xe đi tìm và Phát hiện Vũ P, ông Lê Công M truy hô và cùng người dân bắt giữ Vũ P lại sau đó báo cho Công an thị trấn Định Quán – huyện Định Quán – tỉnh Đồng Nai biết và thu giữ trên người Vũ P 02 chiếc điện thoại mà Vũ P đã lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn T và anh Lương Văn C sau đó chuyển hồ sơ và tang vật lại cho cơ quan CSĐT Công an huyện Đạ Huoai.

Tại kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐDG ngày 24/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đạ Huoai, 01 điện thoại di

động Samsung J5 của anh Nguyễn Văn T có giá trị 2.280.000đ và 01 điện thoại di động OPPO A37f của anh Lương Văn C có giá trị 1.645.000đ. Tổng cộng giá trị của hai chiếc điện thoại là 3.925.000đ (Ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 27/10/2017, bị hại anh Nguyễn Văn T và anh Lương Văn C có đơn không yêu cầu bồi thường và xin nhận lại tài sản. Ngày 01/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đạ Huoai đã trả lại tài sản là 02 chiếc điện thoại cho bị hại.

Bị cáo khai nhận và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố như sau: để có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 14 giờ ngày 23/10/2017 tại phòng trọ thuộc Thôn 1 – xã M – huyện Đạ Huoai – tỉnh Lâm Đồng, lợi dụng lúc anh Nguyễn Văn T và anh Lương Văn C đang ngủ, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 của anh Nguyễn Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37f của anh Lương Văn C với tổng trị giá tài sản của 02 chiếc điện thoại là 3.925.000đ (ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) sau đó Vũ P thuê ông Lê Công M chở đi về huyện Định Quán – tỉnh Đồng Nai để tiêu thụ, trong khi đang tìm cách tiêu thụ thì bị ông Lê Công M và người dân bắt giữ.

Về trách nhiệm dân sự: các bị hại anh Nguyễn Văn T và anh Lương Văn C đã có đơn không yêu cầu bồi thường.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đạ Huoai đã trả lại tài sản là 02 chiếc điện thoại cho bị hại.

Tại bản cáo trạng số 02/ KSĐT-KT ngày 29 tháng 12 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Vũ P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Vũ P từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Bị cáo nhận tội và đồng ý với phần luận tội của đại diện Viện kiểm sát, hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp. Bị cáo không tranh luận gì thêm

Bị cáo nói lời sau cùng: “Bị cáo biết lỗi và rất hối hận về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về với gia đình, làm người có ích”.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đạ

Huoi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Huoi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định tội: Lời khai nhận của bị cáo Vũ P tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại cũng như phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa về thời gian, địa điểm, loại tài sản, giá trị tài sản của 02 chiếc điện thoại thu giữ được trong người bị cáo. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: để có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 14 giờ ngày 23/10/2017 bị cáo Vũ P đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 của anh Nguyễn Văn T và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37f của anh Lương Văn C với tổng trị giá tài sản của 02 chiếc điện thoại là 3.925.000đ (ba triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) sau đó thuê ông Lê Công M chở đi về huyện Định Quán – tỉnh Đồng Nai để tiêu thụ, trong khi đang tìm cách tiêu thụ thì bị ông Lê Công M và người dân bắt giữ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu tới trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là thanh niên tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe nhưng lười lao động thích hưởng thụ, khi không có tiền tiêu xài đã lợi dụng sự sơ hở của người khác để chiếm đoạt tài sản phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Từ những phân tích trên cho thấy bị cáo có thái độ coi thường pháp luật, do vậy cần có hình phạt tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung trong cộng đồng.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đó là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa hôm nay các bị hại anh Nguyễn Văn T và anh Lương Văn C đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37f. Đây là các tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của các bị hại anh Nguyễn Văn T và anh Lương Văn C. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đạ Huoai đã trả lại tài sản cho bị hại là phù hợp và đúng với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét lại nữa.

[6] Về án phí:

Buộc bị cáo Vũ P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm của vụ án là có cơ sở và đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ P (tức Vũ H) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Vũ P (tức Vũ H) **09 (chín) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24-10-2017.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ P phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay bị cáo, các bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS, CA huyện Đạ Huoai;
- Bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hà Giang

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Hữu Vĩnh – Trần Thị Thu Hằng

Nguyễn Thị Hà Giang

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải Đình Văn Q thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. **Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là**

chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra Quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

